

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 11 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 513/2020/TLST -HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 820/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Đường Văn M, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Bà Trần Thị Bé B trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đường Văn M kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh C vào ngày 15/4/2011. Hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà và ông M đã ly thân cách nay hơn hai tháng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đường Văn M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông M có một người con chung tên Đường Thùy Dương, sinh ngày 06/11/2008. Hiện cháu Dương đang

sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông M không có nợ chung.

- Ông Đường Văn M trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nơi đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân đúng như bà Bé B trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do có lúc ông chạy xe hon đa khách, thu nhập không ổn định, không lo đủ cuộc sống cho vợ con nhưng vì thương vợ con nên ông phải hỏi vay nợ bên ngoài để đưa tiền cho vợ nhưng vợ không hay biết. Khi biết được sự việc ông vay nợ thì vợ chồng có cự cãi. Ông xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà Bé B nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Bé B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Bé B có một con chung đúng như bà Bé B trình bày. Hiện con đang sống chung với bà Bé B. Trường hợp Tòa án giải quyết để ông bà ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà Bé B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Bé B không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bé B xin ly hôn với ông Đường Văn M, thấy rằng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé B và ông M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Bé B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không lo cho gia đình, chỉ biết cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Ông M xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng những mâu thuẫn trên là không lớn, ông vẫn còn tình cảm với bà Bé B nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Bé B.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng,

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay bà Bé B xác định không còn tình cảm với ông M nên bà Bé B không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông M cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng. Do đó, việc kéo dài quan hệ hôn nhân cũng chỉ khiến đôi bên thêm tổn thương và đau khổ và thực tế giữa bà Bé B và ông M cũng đã không còn chung sống với nhau hơn hai tháng nay. Ngoài ra, ông M muốn được hàn gắn với bà Bé B nhưng lại không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn, cũng như không có phương pháp để vun đắp tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của bà Bé B và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé B, cho bà Bé B được ly hôn với ông M là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà Bé B và ông M thống nhất tiếp tục giao con chung tên Đường Thùy Dương, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Bé B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Bé B và ông M đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Bé B và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Bé B và ông M xác định, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Bé B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bé B về việc xin ly hôn với ông Đường Văn M.

2. Về con chung: Tiếp tục giao Đường Thùy Dương, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Trần Thị Bé B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đường Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé B và ông Đường Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé B và ông Đường Văn M xác định không có, không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Trần Thị Bé B phải chịu. Bà Bé B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002426 vào ngày 29/9/2020, được đối trừ, bà Bé B đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**